

Số: 964 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04/4/2025 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Quyết định 970/QĐBYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 64/TTr-SYT ngày 09/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 35 thủ tục hành chính bổ sung, sửa đổi, 04 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và

phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố bổ sung, sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tại Quyết định này theo quy định.

Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ nội dung công bố đối với các thủ tục đã được công bố số thứ tự: 7, 8, 9, 10, 15, 16, 88, 89, 90, 91 Phần A; 8, 9, 10, 11, 12 Phần B; 6 Phần C Phụ lục kèm Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ các Quyết định: Số 1957/QĐ-UBND ngày 07/9/2018, số 1446/QĐ-UBND ngày 07/7/2021, số 600/QĐ-UBND ngày 28/3/2023, số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, số 487/QĐ-UBND ngày 13/3/2024, số 2578/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, TT.



CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BẮT BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG,
CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ				
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
3	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	

5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
6	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
7	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
8	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
9	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc	Đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội	Không	
Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội					
10	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
11	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	

12	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
13	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
14	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ				
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, Kiểm soát TTHC và XTĐT	Không	
III	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ, UBND CẤP HUYỆN				
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;

		đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện			- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh; Cơ sở trợ giúp xã hội.	Không	
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh; Cơ sở trợ giúp xã hội.	Không	
IV	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN				
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi	08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND xã nơi	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;

	đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng			- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch UBND huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã).	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
7	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
8	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
9	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

10	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
11	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	05 ngày làm việc	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội					
12	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
V	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ				
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là 02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
---	--	---	-----------------------------	-------	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ		
1	2.000141.000.00.00.H40	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.
2	2.000135.000.00.00.H40	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN		
1	2.000291.000.00.00.H40	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.
2	1.000669.000.00.00.H40	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

Ghi chú: Trường hợp UBND cấp huyện không tổ chức riêng Phòng Y tế thì cơ quan thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện là Văn phòng HĐND và UBND.